

Bản án số: 90/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28/5/2019.

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Châu Vũ Sơn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Ngô Văn Mừng.**

2. Bà **Phan Thị Nga.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Ngô Thị Lắm**, là thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh An Giang: Không tham gia phiên Tòa.

Trong ngày 28 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2019/QĐXX-ST ngày 10 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Minh P, sinh năm 1977. địa chỉ: ấp Bình Thạnh 3, xã Thuận Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Long An, (có đơn xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Đặng Kim Long H, sinh năm 1979. địa chỉ: số 84 Trần Hưng Đạo, ấp Thị 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, biên bản hòa giải được nguyên đơn anh Nguyễn Minh P trình bày: Anh và chị H do quen biết với nhau, được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2000, đến ngày 30/10/2006 anh chị mới đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang, anh chị sống hạnh phúc đến cuối năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hay cự cãi, không hợp nhau. Anh chị không còn chung sống từ cuối năm 2009 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn nay anh yêu cầu ly hôn với chị H.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung Nguyễn Đặng Kim N, sinh ngày 18/3/2007, hiện nay sống chung với chị H, khi ly hôn anh P đồng ý để chị H được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Minh P xác định không có.
- Về nợ chung: Anh Nguyễn Minh P xác định không có.

Chị Đặng Kim Long H đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị vắng mặt, cũng như không tham gia các phiên hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Minh P yêu cầu ly hôn với chị Đặng Kim Long H có nơi cư trú ấp 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Đặng Kim Long H đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Anh Nguyễn Minh P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh P, chị H.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Minh P và chị Đặng Kim Long H sống chung với nhau vào năm 2000, đến ngày 30/10/2006 anh chị mới đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống do anh, chị bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, hay cự cãi. Anh P, chị H không còn sống chung từ cuối năm 2009 cho đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Minh P là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Minh P.

[3] Về quan hệ con chung: Anh chị có 01 con chung Nguyễn Đặng Kim N, sinh ngày 18/3/2007, hiện nay sống chung với chị H, khi ly hôn anh P đồng ý để chị H được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của con chưa thành niên, hiện nay cháu N sống ổn định với H vẫn phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Trong quá trình làm việc Tòa án đã tiến hành ghi nhận ý kiến và nguyện vọng của cháu N thì cháu có nguyện vọng sống với chị H, anh P cũng không có ý kiến phản đối. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu N cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình “Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con ; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Minh P không đồng ý cấp dưỡng nuôi con, trong quá trình giải quyết vụ án chị H không có ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Anh Minh P xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Anh Minh P xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ghi nhận anh P xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh P và chị H thì anh, chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[7] *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Nguyễn Minh P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ

Các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 238, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Minh P.

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Minh P được ly hôn với chị Đặng Kim Long H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 113 quyển số 01 ngày 30/10/2006 của Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Chị Đặng Kim Long H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Đặng Kim N, sinh ngày 18/3/2007. Anh Nguyễn Minh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Minh P xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Anh Nguyễn Minh P xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ghi nhận anh P bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh P và chị H thì anh, chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Về án phí: Anh Nguyễn Minh P phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm N đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm N đồng) theo biên lai thu tiền số 0012500 ngày 21/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang. Anh Nguyễn Minh P không phải nộp thêm.

Đương sự có mặt tham gia phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang.
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Vũ Sơn

[4] Về quan hệ tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Kim Hương xác định không có nên không xem xét giải quyết.

[5] Về quan hệ nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kim Hương xác định không có nên không xem xét giải quyết.

Ghi nhận chị Hương xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị Hương và anh Tây trong thời kỳ hôn nhân thì chị Hương và anh Tây vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị Kim Hương phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều 53 và 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014.
- Các Điều 28, 35, 39, 146, 147, 228, 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Tuyên Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim Hương.
- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim Hương được ly hôn với anh Đoàn Hồng Tây.
- Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị Kim Hương xác định không có nên không xem xét giải quyết.
- Về quan hệ tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Kim Hương xác định không có nên không xem xét giải quyết.
- Về quan hệ nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kim Hương xác định không có nên không xem xét giải quyết.

Ghi nhận chị Hương xác định không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị Hương và anh Tây trong thời kỳ hôn nhân thì chị Hương, anh Tây vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim Hương phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm N đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm N đồng) theo biên lai thu số 0000047 ngày 14.8.2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang. Chị Hương không phải nộp thêm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã Tân Trung, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Vũ Sơn

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Lâm Bảo Ngọc

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Lâm Sơn – Nguyễn Thị Bích Liễu

Lê Lâm Bảo Ngọc

